Bảng giá cửa hàng Minecraft Chạm Cỏ

311 món có giá trên server mc.waifu.vn · Java và Bedrock 1.21.8. Giá tính bằng xu cho một món. Mua là số bạn trả cho server, Bán là số server trả cho bạn. Dấu gạch ngang nghĩa là không giao dịch được theo chiều đó.

Lệnh: /servershop mở cửa hàng · /sell bán món đang cầm · /sell all rồi /sell all confirm bán cả stack · /bal xem số dư · /pay chuyển tiền · /daily nhận 100 xu mỗi ngày · /shop chợ giữa người chơi. Mỗi người bán cho server tối đa 2.000 xu một ngày.

Băng · 2 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Băng nén	Packed Ice	8	-	64
Băng xanh	Blue Ice	60	-	64

Cây và hạt · 91 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Anh túc	Poppy	-	1	64
Bí ngô	Pumpkin	-	5	64
Bí ngô được khắc	Carved Pumpkin	-	2	64
Bồ công anh	Dandelion	-	1	64
Bột xương	Bone Meal	-	1	64
Bụi cây	Bush	-	1	64
Bụi cây khô	Dead Bush	-	1	64
Bụi hoa hồng	Rose Bush	-	1	64
Bụi đom đóm	Firefly Bush	-	1	64
Chậu hoa	Flower Pot	-	4	64
Chồi cây anh đào	Cherry Sapling	60	1	64
Chồi cây bạch dương	Birch Sapling	-	1	64
Chồi cây rừng	Jungle Sapling	40	1	64
Chồi cây sồi	Oak Sapling	-	1	64
Chồi cây sồi nhợt	Pale Oak Sapling	80	1	64
Chồi cây sồi sẫm	Dark Oak Sapling	40	1	64
Chồi cây vân sam	Spruce Sapling	-	1	64
Chồi cây xiêm gai	Acacia Sapling	40	1	64
Chồi cây đước	Mangrove Propagule	60	1	64
Cánh hoa màu hồng	Pink Petals	-	1	64
Cây mía	Sugar Cane	-	2	64
Cây nắp ấm	Pitcher Plant	-	15	64
Cây tre	Bamboo	-	1	64
Cúc trắng	Oxeye Daisy	-	1	64
Cỏ khô cao	Tall Dry Grass	-	1	64
Cỏ khô thấp	Short Dry Grass	-	1	64
Cỏ thấp	Short Grass	-	1	64
Dây leo	Vines	-	1	64
Dây leo xoắn	Twisting Vines	-	1	64
Dây leo đẫm máu	Weeping Vines	-	1	64
Dương xỉ	Fern	-	1	64
Dương xỉ lớn	Large Fern	-	1	64
Hoa Chorus	Chorus Flower	-	2	64

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Hoa bào tử	Spore Blossom	-	15	64
Hoa dại	Wildflowers	-	1	64
Hoa mắt mở	Open Eyeblossom	-	1	64
Hoa mắt nhắm	Closed Eyeblossom	-	1	64
Hoa xương rồng	Cactus Flower	-	1	64
Hoa đuốc	Torchflower	-	12	64
Hành tím	Allium	-	1	64
Hướng dương	Sunflower	-	1	64
Hạt bí ngô	Pumpkin Seeds	-	1	64
Hạt ca cao	Cocoa Beans	-	2	64
Hạt củ dền	Beetroot Seeds	-	1	64
Hạt dưa hấu	Melon Seeds	-	1	64
Hạt hoa đuốc	Torchflower Seeds	300	8	64
Hạt lúa mì	Wheat Seeds	-	1	64
Khối nấm nâu	Brown Mushroom Block	-	1	64
Khối nấm đỏ	Red Mushroom Block	-	1	64
Khối rêu	Moss Block	4	1	64
Khối rêu nhạt	Pale Moss Block	-	1	64
Khối xương	Bone Block	-	5	64
Linh lan	Lily of the Valley	-	1	64
Lá anh đào	Cherry Leaves	-	1	64
Lá bạch dương	Birch Leaves	-	1	64
Lá khô	Leaf Litter	-	1	64
Lá nhỏ giọt lớn	Big Dripleaf	-	1	64
Lá nhỏ giọt nhỏ	Small Dripleaf	-	1	64
Lá rừng	Jungle Leaves	-	1	64
Lá súng	Lily Pad	10	1	64
Lá sồi	Oak Leaves	-	1	64
Lá sồi nhợt	Pale Oak Leaves	-	1	64
Lá sồi sẫm	Dark Oak Leaves	-	1	64
Lá vân sam	Spruce Leaves	-	1	64
Lá xiêm gai	Acacia Leaves	-	1	64
Lá đước	Mangrove Leaves	-	1	64
Lá đỗ quyên	Azalea Leaves	-	1	64
Lá đỗ quyên có hoa	Flowering Azalea Leaves	-	1	64
Mẫu đơn	Peony	-	1	64
Nấm nâu	Brown Mushroom	-	1	64
Nấm đỏ	Red Mushroom	-	1	64
Phong lan xanh	Blue Orchid	-	1	64
Quả đậu nắp ấm	Pitcher Pod	300	9	64
Rêu treo nhạt	Pale Hanging Moss	-	1	64
Rễ cây đước	Mangrove Roots	-	1	64
Rễ cây đước ngấm bùn	Muddy Mangrove Roots	-	1	64
Rễ treo	Hanging Roots	-	1	64
Thanh cúc	Cornflower	-	1	64

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Thiến thảo xanh	Azure Bluet	-	1	64
Thân nấm	Mushroom Stem	-	2	64
Thảm rêu	Moss Carpet	-	1	64
Thảm rêu nhạt	Pale Moss Carpet	-	1	64
Tử đinh hương	Lilac	-	1	64
Uất kim hương cam	Orange Tulip	-	1	64
Uất kim hương hồng	Pink Tulip	-	1	64
Uất kim hương trắng	White Tulip	-	1	64
Uất kim hương đỏ	Red Tulip	-	1	64
Xương rồng	Cactus	-	1	64
Địa y phát sáng	Glow Lichen	-	1	64
Đỗ quyên	Azalea	40	1	64
Đỗ quyên đang trổ bông	Flowering Azalea	60	1	64

Khảo cổ · 1 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Trứng kẻ đánh hơi	Sniffer Egg	6.000	-	64

Khối End · 2 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Khối purpur	Purpur Block	8	-	64
Đá End	End Stone	4	-	64

Khối Nether · 2 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Khối thạch anh	Block of Quartz	8	-	64
Thạch anh Nether	Nether Quartz	-	2	64

Khối cát · 1 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Cát đỏ	Red Sand	2	-	64

Khối phát sáng · 5 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Nến	Candle	10	-	64
Đá phát sáng	Glowstone	12	-	64
Đèn biển	Sea Lantern	30	-	64
Đèn lồng	Lantern	20	-	64
Đèn nấm	Shroomlight	20	-	64

Khối đá · 2 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Calcit	Calcite	4	-	64
Đá túp	Tuff	2	-	64

Khối đất · 1 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Gạch bùn	Mud Bricks	3	-	64

Quặng · 45 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Bột Redstone	Redstone Dust	-	1	64
Cụm thạch anh tím	Amethyst Cluster	-	7	64
Hạt sắt	Iron Nugget	-	1	64
Hạt vàng	Gold Nugget	-	2	64
Hạt đồng	Copper Nugget	-	1	64
Khối Netherit	Block of Netherite	-	2.268	64
Khối Redstone	Block of Redstone	-	8	64
Khối kim cương	Block of Diamond	-	756	64
Khối ngọc lưu ly	Block of Lapis Lazuli	-	14	64
Khối ngọc lục bảo	Block of Emerald	-	270	64
Khối sắt	Block of Iron	-	41	64
Khối sắt thô	Block of Raw Iron	-	41	64
Khối than	Block of Coal	-	14	64
Khối thạch anh tím	Block of Amethyst	-	12	64
Khối vàng	Block of Gold	-	162	64
Khối vàng thô	Block of Raw Gold	-	162	64
Khối đồng thô	Block of Raw Copper	-	8	64
Kim cương	Diamond	-	40	64
Mảnh thạch anh tím	Amethyst Shard	-	2	64
Ngọc lưu ly	Lapis Lazuli	-	2	64
Ngọc lục bảo	Emerald	-	20	64
Phôi sắt	Iron Ingot	-	5	64
Phôi vàng	Gold Ingot	-	8	64
Phôi đồng	Copper Ingot	-	1	64
Quặng Redstone	Redstone Ore	-	9	64
Quặng Redstone đá bảng sâu	Deepslate Redstone Ore	-	10	64
Quặng kim cương	Diamond Ore	-	300	64
Quặng kim cương đá bảng sâu	Deepslate Diamond Ore	-	330	64
Quặng ngọc lưu ly	Lapis Lazuli Ore	-	11	64
Quặng ngọc lưu ly đá bảng sâu	Deepslate Lapis Lazuli Ore	-	11	64
Quặng ngọc lục bảo	Emerald Ore	-	90	64
Quặng ngọc lục bảo đá bảng sâu	Deepslate Emerald Ore	-	93	64
Quặng sắt	Iron Ore	-	6	64
Quặng sắt đá bảng sâu	Deepslate Iron Ore	-	6	64
Quặng than	Coal Ore	-	3	64
Quặng than đá bảng sâu	Deepslate Coal Ore	-	4	64
Quặng vàng	Gold Ore	-	26	64
Quặng vàng Nether	Nether Gold Ore	-	9	64
Quặng vàng đá bảng sâu	Deepslate Gold Ore	-	26	64
Quặng đồng	Copper Ore	-	3	64
Quặng đồng đá bảng sâu	Deepslate Copper Ore	-	4	64

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Sắt thô	Raw Iron	-	5	64
Than	Coal	-	2	64
Vàng thô	Raw Gold	-	18	64
Đồng thô	Raw Copper	-	1	64

Thuốc nhuộm · 4 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Bê tông trắng	White Concrete	4	-	64
Len trắng	White Wool	-	2	64
Thủy tinh	Glass	3	-	64
Đất nung	Terracotta	3	-	64

Thuốc và pha chế · 7 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Thuốc kháng lửa	Potion of Fire Resistance	400	-	1
Thuốc kháng lửa (kéo dài)	Potion of Fire Resistance (extended)	700	-	1
Thuốc nhanh nhẹn	Potion of Swiftness	300	-	1
Thuốc nhìn trong bóng tối	Potion of Night Vision	250	-	1
Thuốc nhìn trong bóng tối (kéo dài)	Potion of Night Vision (extended)	450	-	1
Thuốc rơi chậm	Potion of Slow Falling	300	-	1
Thuốc thở dưới nước	Potion of Water Breathing	300	-	1

Thức ăn · 49 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Bánh bí ngô	Pumpkin Pie	-	10	64
Bánh mì	Bread	-	8	64
Bánh ngọt	Cake	-	30	0
Bánh quy	Cookie	-	2	64
Bít tết	Steak	-	8	64
Cà rốt	Carrot	-	2	64
Cà rốt vàng	Golden Carrot	25	17	64
Cá hồi chín	Cooked Salmon	-	5	64
Cá hồi sống	Raw Salmon	-	2	64
Cá nhiệt đới	Tropical Fish	-	1	64
Cá nóc	Pufferfish	-	1	64
Cá tuyết chín	Cooked Cod	-	4	64
Cá tuyết sống	Raw Cod	-	2	64
Củ dền	Beetroot	-	2	64
Dưa hấu	Melon	-	8	64
Khoai tây	Potato	-	2	64
Khoai tây bỏ lò	Baked Potato	-	3	64
Khoai tây độc	Poisonous Potato	-	1	64
Khối tảo bẹ khô	Dried Kelp Block	-	8	64
Kiện rơm	Hay Bale	-	20	64
Lát cắt dưa hấu	Melon Slice	-	1	64
Lát cắt dưa hấu lấp lánh	Glistering Melon Slice	-	17	64

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Lúa mì	Wheat	-	2	64
Mắt nhện được lên men	Fermented Spider Eye	-	3	64
Quả Chorus	Chorus Fruit	-	2	64
Quả Chorus nở bung	Popped Chorus Fruit	-	2	64
Quả mọng ngọt	Sweet Berries	-	1	64
Quả mọng phát sáng	Glow Berries	-	2	64
Súp củ dền	Beetroot Soup	-	2	1
Súp nấm	Mushroom Stew	-	2	1
Súp thỏ hầm	Rabbit Stew	-	4	1
Súp đáng ngờ	Suspicious Stew	-	3	1
Thịt bò sống	Raw Beef	-	3	64
Thịt cừu chín	Cooked Mutton	-	6	64
Thịt cừu sống	Raw Mutton	-	2	64
Thịt gà chín	Cooked Chicken	-	6	64
Thịt gà sống	Raw Chicken	-	2	64
Thịt heo chín	Cooked Porkchop	-	8	64
Thịt heo sống	Raw Porkchop	-	3	64
Thịt thỏ chín	Cooked Rabbit	-	6	64
Thịt thỏ sống	Raw Rabbit	-	2	64
Trứng	Egg	-	1	16
Trứng nâu	Brown Egg	-	1	16
Trứng xanh nước biển	Blue Egg	-	1	16
Táo	Apple	-	3	64
Táo vàng	Golden Apple	-	147	64
Tảo bẹ khô	Dried Kelp	-	1	64
Xô sữa	Milk Bucket	-	20	1
Đường	Sugar	-	1	64

Tiện ích · 3 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Pháo hoa	Firework Rocket	6	-	64
Túi bọc	Bundle	200	-	1
Xô	Bucket	45	-	16

Trứng triệu hồi dân làng · 2 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Trứng sinh ra Dân làng	Villager Spawn Egg	8.000	-	1
Trứng sinh ra Người sắt	Iron Golem Spawn Egg	8.000	-	1

Trứng triệu hồi quái · 20 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Trứng sinh ra Bộ xương	Skeleton Spawn Egg	2.000	-	1
Trứng sinh ra Con nhậy bạc	Silverfish Spawn Egg	1.500	-	1
Trứng sinh ra Creeper	Creeper Spawn Egg	3.000	-	1
Trứng sinh ra Ghast	Ghast Spawn Egg	6.000	-	1
Trứng sinh ra Giám hộ	Guardian Spawn Egg	6.000	-	1

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Trứng sinh ra Hoglin	Hoglin Spawn Egg	4.000	-	1
Trứng sinh ra Khối dung nham	Magma Cube Spawn Egg	4.000	-	1
Trứng sinh ra Kẻ đuối nước	Drowned Spawn Egg	2.500	-	1
Trứng sinh ra Người Ender	Enderman Spawn Egg	4.000	-	1
Trứng sinh ra Nhện	Spider Spawn Egg	2.000	-	1
Trứng sinh ra Nhện hang	Cave Spider Spawn Egg	2.500	-	1
Trứng sinh ra Phù thủy	Witch Spawn Egg	5.000	-	1
Trứng sinh ra Piglin	Piglin Spawn Egg	4.000	-	1
Trứng sinh ra Piglin thây ma	Zombified Piglin Spawn Egg	4.000	-	1
Trứng sinh ra Quái khô tàn	Husk Spawn Egg	2.000	-	1
Trứng sinh ra Quái lang thang	Stray Spawn Egg	2.500	-	1
Trứng sinh ra Quái vật chất nhờn	Slime Spawn Egg	3.500	-	1
Trứng sinh ra Quái đầm lầy	Bogged Spawn Egg	3.000	-	1
Trứng sinh ra Quỷ lửa	Blaze Spawn Egg	5.000	-	1
Trứng sinh ra Thây ma	Zombie Spawn Egg	2.000	-	1

Trứng triệu hồi động vật · 28 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Trứng sinh ra Allay	Allay Spawn Egg	6.000	-	1
Trứng sinh ra Axolotl	Axolotl Spawn Egg	2.500	-	1
Trứng sinh ra Chó sói	Wolf Spawn Egg	1.500	-	1
Trứng sinh ra Con Tatu	Armadillo Spawn Egg	2.500	-	1
Trứng sinh ra Con bò	Cow Spawn Egg	400	-	1
Trứng sinh ra Con cáo	Fox Spawn Egg	2.500	-	1
Trứng sinh ra Con cừu	Sheep Spawn Egg	400	-	1
Trứng sinh ra Con dê	Goat Spawn Egg	600	-	1
Trứng sinh ra Con gà	Chicken Spawn Egg	300	-	1
Trứng sinh ra Con heo	Pig Spawn Egg	300	-	1
Trứng sinh ra Con lừa	Donkey Spawn Egg	800	-	1
Trứng sinh ra Con mèo	Cat Spawn Egg	1.200	-	1
Trứng sinh ra Con ngựa	Horse Spawn Egg	800	-	1
Trứng sinh ra Con ong	Bee Spawn Egg	800	-	1
Trứng sinh ra Con rùa	Turtle Spawn Egg	1.500	-	1
Trứng sinh ra Con thỏ	Rabbit Spawn Egg	300	-	1
Trứng sinh ra Con vẹt	Parrot Spawn Egg	2.500	-	1
Trứng sinh ra Con ếch	Frog Spawn Egg	2.000	-	1
Trứng sinh ra Ghast vui vẻ	Happy Ghast Spawn Egg	8.000	-	1
Trứng sinh ra Gấu bắc cực	Polar Bear Spawn Egg	3.000	-	1
Trứng sinh ra Gấu trúc	Panda Spawn Egg	3.000	-	1
Trứng sinh ra Kẻ sải bước	Strider Spawn Egg	2.500	-	1
Trứng sinh ra Kẻ đánh hơi	Sniffer Spawn Egg	8.000	-	1
Trứng sinh ra Lạc đà	Camel Spawn Egg	3.000	-	1
Trứng sinh ra Lạc đà không bướu	Llama Spawn Egg	800	-	1
Trứng sinh ra Mooshroom	Mooshroom Spawn Egg	4.000	-	1
Trứng sinh ra Mèo rừng	Ocelot Spawn Egg	2.000	-	1

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Trứng sinh ra Người tuyết	Snow Golem Spawn Egg	1.000	-	1

Vũ khí · 1 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Mũi tên	Arrow	-	1	64

Đĩa nhạc · 2 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Đĩa nhạc	Music Disc	1.500	-	1
Đĩa nhạc	Music Disc	1.500	-	1

Đại dương · 5 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Mảnh Prismarin	Prismarine Shard	-	2	64
Prismarin	Prismarine	6	-	64
Prismarin sẫm màu	Dark Prismarine	10	-	64
Trái tim biển cả	Heart of the Sea	8.000	-	64
Tảo bẹ	Kelp	-	1	64

Đồ hiếm · 4 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Nụ thạch anh tím	Budding Amethyst	5.000	-	64
Phiến gỗ sồi bị hoá đá	Petrified Oak Slab	500	-	64
Đá bảng sâu được gia cố	Reinforced Deepslate	2.000	-	64
Đầu người chơi	Player Head	1.000	-	64

Đồ rơi · 34 món

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Bóng nhờn	Slimeball	-	6	64
Bột quỷ lửa	Blaze Powder	-	5	64
Chai mật ong	Honey Bottle	-	10	64
Chai điềm báo	Ominous Bottle	-	45	64
Cầu gió	Wind Charge	-	5	64
Cục nhựa cây	Resin Clump	-	11	64
Da thuộc	Leather	-	5	64
Da thỏ	Rabbit Hide	-	2	64
Hoa hồng Wither	Wither Rose	-	9	64
Kem dung nham	Magma Cream	-	6	64
Khối chất nhờn	Slime Block	-	27	64
Khối mật ong	Honey Block	-	4	64
Khối nhựa cây	Block of Resin	-	95	64
Khối sáp ong	Honeycomb Block	-	2	64
Lông	Feather	-	1	64
Màng da Phantom	Phantom Membrane	-	10	64
Mắt nhện	Spider Eye	-	2	64
Ngọc Ender	Ender Pearl	-	2	64

Món	Tên tiếng Anh	Mua	Bán	Stack
Nước mắt Ghast	Ghast Tear	-	20	64
Sáp ong	Honeycomb	-	6	64
Sợi chỉ	String	-	2	64
Sừng dê	Goat Horn	-	15	1
Thuốc súng	Gunpowder	-	6	64
Thịt thối rữa	Rotten Flesh	-	1	64
Túi mực	Ink Sac	-	2	64
Túi mực phát sáng	Glow Ink Sac	-	4	64
Tổ ong tự nhiên	Bee Nest	-	11	64
Vảy Tatu	Armadillo Scute	-	9	64
Vảy rùa	Turtle Scute	-	9	64
Xương	Bone	-	4	64
Đầu Creeper	Creeper Head	-	450	64
Đầu lâu bộ xương	Skeleton Skull	-	450	64
Đầu piglin	Piglin Head	-	450	64
Đầu thây ma	Zombie Head	-	450	64